SỞ GIÁO DỤC và ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
Kỳ thi Olympic Truyền Thống 30/4 lần thứ XXII năm 2016
Tổ chức tại trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong - Tp. Hồ Chí Minh
Khóa thi ngày 02/04/2016

BẢNG THỐNG KÊ

TỔNG SỐ ĐIỂM - TỔNG SỐ HUY CHƯƠNG CỦA TỪNG MÔN

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	AV	95,5	0	0	0	0
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	D	20	0	0	0	0
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	H	2,875	0	0	0	0
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	L	4,5	0	0	0	0
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	SI	13,5	0	0	0	0
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	SU	15	0	0	0	0
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	T	11,5	0	0	0	0
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	TI	0	0	0	0	0
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	V	29,5	1	0	0	1
Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	CONG	192,375	1	0	0	1
THPT Long Xuyên	An Giang	AV	70,5	0	0	0	0
THPT Long Xuyên	An Giang	D	56	0	0	1	1
THPT Long Xuyên	An Giang	H	4,25	0	0	0	0
THPT Long Xuyên	An Giang	L	6,25	0	0	0	0
THPT Long Xuyên	An Giang	PH	0	0	0	0	0
THPT Long Xuyên	An Giang	SI	21,25	0	0	0	0
THPT Long Xuyên	An Giang	SU	51	0	1	0	1
THPT Long Xuyên	An Giang	T	8	0	0	0	0
THPT Long Xuyên	An Giang	TI	0	0	0	0	0
THPT Long Xuyên	An Giang	V	34,5	0	0	0	0
THPT Long Xuyên	An Giang	CONG	251,75	0	1	0	1
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	AV	244,5	0	0	2	2
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	D	78,75	2	1	0	3
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	H	47	0	2	1	3
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	L	46,75	0	1	0	1
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	SI	45,25	0	1	0	1
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	SU	80,5	1	1	2	4
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	T	65,5	3	0	3	6
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	TI	14,9	0	1	1	2
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	V	64,5	3	0	2	5
Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	CONG	687,65	9	7	2	18
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	AV	375,5	2	3	1	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	D	77,75	1	3	0	4
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	H	58,375	0	3	2	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	L	102,25	4	2	0	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	SI	66,275	1	2	2	5

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	SU	81,25	2	0	3	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	T	58,5	1	1	3	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	TI	34,3	1	1	1	3
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	V	63	2	1	1	4
Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	CONG	917,2	14	16	1	31
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	AV	152	0	0	0	0
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	D	64,25	0	0	1	1
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	H	8,75	0	0	0	0
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	L	6,75	0	0	0	0
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	PH	0	0	0	0	0
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	SI	17,375	0	0	0	0
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	SU	60,75	0	0	0	0
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	T	8	0	0	0	0
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	TI	0	0	0	0	0
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	V	44,5	0	0	1	1
THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	CONG	362,375	0	0	1	1
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	AV	355,5	2	2	1	5
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	D	74,5	1	0	3	4
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	H	49,125	1	0	2	3
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	L	42	0	0	3	3
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	SI	71,5	1	4	1	6
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	SU	79,25	0	3	1	4
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	T	57,75	1	2	1	4
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	TI	28,9	1	1	0	2
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	V	61,5	1	2	2	5
Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	CONG	820,025	8	14	2	24
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	AV	85	0	0	1	1
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	D	30,75	1	1	0	2
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	H	29,175	0	1	1	2
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	L	21,5	0	1	0	1
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	SI	29,9	0	1	0	1
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	SU	28	0	1	1	2
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	T	41,75	0	2	1	3
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	TI	0	0	0	0	0
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	V	27,5	0	1	0	1
Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	CONG	293,575	1	8	0	9
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	AV	317,5	0	3	2	5
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	D	101,5	6	0	0	6
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	H	76,625	3	2	1	6
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	L	104,25	3	2	1	6
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	SI	69,25	2	2	2	6
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	SU	81	0	4	0	4
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	T	61	1	2	2	5

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	TI	61,2	2	3	0	5
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	V	73	4	1	1	6
Chuyên Quang Trung	Bình Phước	CONG	945,325	21	19	1	41
THPT Hùng Vương	Bình Phước	AV	0	0	0	0	0
THPT Hùng Vương	Bình Phước	D	38,5	0	1	1	2
THPT Hùng Vương	Bình Phước	H	0	0	0	0	0
THPT Hùng Vương	Bình Phước	L	0	0	0	0	0
THPT Hùng Vương	Bình Phước	PH	0	0	0	0	0
THPT Hùng Vương	Bình Phước	SI	0	0	0	0	0
THPT Hùng Vương	Bình Phước	SU	0	0	0	0	0
THPT Hùng Vương	Bình Phước	T	15,5	0	0	0	0
THPT Hùng Vương	Bình Phước	TI	2	0	0	0	0
THPT Hùng Vương	Bình Phước	V	0	0	0	0	0
THPT Hùng Vương	Bình Phước	CONG	56	0	1	0	1
Chuyên Bình Long	Bình Phước	AV	343,5	1	3	2	6
Chuyên Bình Long	Bình Phước	D	87,75	3	2	1	6
Chuyên Bình Long	Bình Phước	H	79,875	6	0	0	6
Chuyên Bình Long	Bình Phước	L	109	5	1	0	6
Chuyên Bình Long	Bình Phước	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Bình Long	Bình Phước	SI	81	5	1	0	6
Chuyên Bình Long	Bình Phước	SU	83,5	2	2	0	4
Chuyên Bình Long	Bình Phước	T	59,5	1	2	2	5
Chuyên Bình Long	Bình Phước	TI	53,5	3	1	0	4
Chuyên Bình Long	Bình Phước	V	66	1	4	1	6
Chuyên Bình Long	Bình Phước	CONG	963,625	27	16	1	44
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	AV	453,5	6	0	0	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	D	96,5	4	1	1	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	H	77,375	3	3	0	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	L	101,25	3	2	1	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	SI	64,525	2	0	2	4
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	SU	90	2	2	1	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	T	56,25	1	2	2	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	TI	16,6	0	1	1	2
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	V	56,5	1	0	1	2
Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	CONG	1012,5	22	11	1	34
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	AV	318,5	1	1	3	5
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	D	72,75	2	1	0	3
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	H	63,875	1	2	3	6
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	L	69,5	1	2	1	4
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	PH	51,5	0	0	1	1
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	SI	74,375	3	3	0	6
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	SU	77,5	0	3	1	4
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	T	80,5	5	1	0	6
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	TI	27,7	0	1	3	4
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	V	49,5	1	0	1	2

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	CONG	885,7	14	14	1	29
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	AV	310	1	1	2	4
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	D	88	2	3	1	6
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	H	56,625	1	2	2	5
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	L	40,75	0	2	0	2
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	SI	65,375	0	4	1	5
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	SU	76	0	0	3	3
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	T	52,75	0	1	3	4
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	TI	27,6	0	2	2	4
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	V	56,75	1	0	2	3
Chuyên Bến Tre	Bến Tre	CONG	773,85	5	15	2	22
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	AV	208	0	0	1	1
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	D	75,5	0	3	0	3
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	H	49,375	1	1	1	3
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	L	65,5	1	2	2	5
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	SI	58	0	2	0	2
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	SU	77,75	1	1	0	2
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	T	57	0	2	4	6
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	TI	16,5	0	0	3	3
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	V	67	2	2	1	5
Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	CONG	674,625	5	13	1	19
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	AV	339	1	2	3	6
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	D	86,25	2	2	2	6
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	H	46,625	0	0	2	2
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	L	63,25	1	2	1	4
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	PH	116,5	1	1	1	3
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	SI	60,75	1	0	3	4
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	SU	81	0	4	0	4
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	T	72,5	4	2	0	6
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	TI	80,8	4	1	1	6
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	V	69,25	3	3	0	6
Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	CONG	1015,925	17	17	0	34
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	AV	0	0	0	0	0
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	D	70	0	2	2	4
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	H	0	0	0	0	0
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	L	0	0	0	0	0
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	PH	0	0	0	0	0
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	SI	0	0	0	0	0
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	SU	0	0	0	0	0
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	T	0	0	0	0	0
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	TI	0	0	0	0	0
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	V	0	0	0	0	0
THTPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	CONG	70	0	2	0	2
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	AV	262	0	0	2	2

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	D	81	2	0	1	3
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	H	64	2	1	3	6
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	L	67,25	0	3	1	4
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	PH	110,25	0	3	2	5
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	SI	69	1	3	2	6
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	SU	80,5	1	1	1	3
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	T	60,25	1	3	1	5
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	TI	7,1	0	0	1	1
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	V	54,75	0	1	2	3
Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	CONG	856,1	7	15	2	24
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	AV	0	0	0	0	0
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	D	65,25	0	1	1	2
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	H	5,5	0	0	0	0
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	L	0	0	0	0	0
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	PH	0	0	0	0	0
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	SI	0	0	0	0	0
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	SU	67,5	0	1	2	3
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	T	0	0	0	0	0
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	TI	0	0	0	0	0
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	V	47	0	0	1	1
THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đăk Lăk	CONG	185,25	0	2	1	3
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	AV	84,5	0	1	0	1
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	D	23,25	0	0	0	0
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	H	13,925	0	0	1	1
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	L	42,25	0	0	2	2
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	PH	0	0	0	0	0
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	SI	33,2	0	0	0	0
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	SU	0	0	0	0	0
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	T	36,5	0	1	0	1
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	TI	0	0	0	0	0
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	V	11,5	0	0	0	0
THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	CONG	245,125	0	2	0	2
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	AV	87	0	0	0	0
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	D	0	0	0	0	0
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	H	6,375	0	0	0	0
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	L	8,75	0	0	0	0
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	PH	0	0	0	0	0
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	SI	0	0	0	0	0
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	SU	45,25	0	1	0	1
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	T	0	0	0	0	0
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	TI	0	0	0	0	0
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	V	18	0	1	0	1
THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	CONG	165,375	0	2	0	2
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	AV	310,5	1	0	4	5
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	D	58,75	1	0	0	1
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	H	70,5	2	4	0	6

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	L	71	1	2	3	6
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	SI	68,625	2	1	2	5
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	SU	68,5	0	1	1	2
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	T	57	1	2	1	4
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	TI	80,3	4	0	2	6
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	V	62,5	2	1	1	4
Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	CONG	847,675	14	11	1	26
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	AV	215,5	0	0	0	0
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	D	58	0	1	1	2
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	H	32,25	0	0	0	0
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	L	34,5	0	0	1	1
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	PH	63,5	0	0	0	0
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	SI	26,625	0	0	0	0
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	SU	64,5	0	1	0	1
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	T	32,5	0	0	0	0
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	TI	6,5	0	0	1	1
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	V	54,5	1	0	1	2
THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	CONG	588,375	1	2	1	4
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	AV	384	2	4	0	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	D	87,25	3	2	0	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	H	75	3	3	0	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	L	109	5	1	0	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	PH	85,75	0	2	1	3
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	SI	74,75	3	1	2	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	SU	75,5	1	0	0	1
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	T	45	0	2	1	3
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	TI	50,8	0	4	2	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	V	59	1	2	1	4
Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	CONG	1046,05	18	21	1	40
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	AV	0	0	0	0	0
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	D	50,25	1	0	0	1
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	H	7,25	0	0	0	0
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	L	0	0	0	0	0
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	PH	0	0	0	0	0
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	SI	4,25	0	0	0	0
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	SU	50,75	1	1	1	3
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	T	0	0	0	0	0
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	TI	0	0	0	0	0
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	V	23,5	0	0	0	0
THPT Trường Chinh	Đăk Nông	CONG	136	2	1	0	3
THPT Krông Nô	Đăk Nông	AV	31,5	0	0	0	0
THPT Krông Nô	Đăk Nông	D	37,25	0	0	2	2
THPT Krông Nô	Đăk Nông	H	17,5	0	0	1	1
THPT Krông Nô	Đăk Nông	L	4	0	0	0	0
THPT Krông Nô	Đăk Nông	PH	0	0	0	0	0

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
THPT Krông Nô	Đăk Nông	SI	24,5	0	0	2	2
THPT Krông Nô	Đăk Nông	SU	45	1	0	1	2
THPT Krông Nô	Đăk Nông	T	0	0	0	0	0
THPT Krông Nô	Đăk Nông	TI	0	0	0	0	0
THPT Krông Nô	Đăk Nông	V	34,5	0	0	2	2
THPT Krông Nô	Đăk Nông	CONG	194,25	1	0	2	3
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	AV	0	0	0	0	0
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	D	60,25	0	0	2	2
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	H	0	0	0	0	0
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	L	0	0	0	0	0
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	PH	0	0	0	0	0
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	SI	0	0	0	0	0
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	SU	30	0	0	1	1
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	T	0	0	0	0	0
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	TI	0	0	0	0	0
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	V	0	0	0	0	0
THPT Phan Đình Phùng	Đăk Nông	CONG	90,25	0	0	0	0
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	AV	0	0	0	0	0
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	D	36,25	0	0	0	0
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	H	0	0	0	0	0
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	L	18,75	0	1	0	1
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	PH	0	0	0	0	0
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	SI	7,75	0	0	0	0
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	SU	24,75	0	0	0	0
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	T	34,25	0	0	2	2
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	TI	0	0	0	0	0
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	V	25	0	0	0	0
THPT Trần Hưng Đạo	Đăk Nông	CONG	146,75	0	1	0	1
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	AV	81	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	D	69,25	0	0	3	3
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	H	49,5	1	1	2	4
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	L	54,25	1	1	1	3
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	SI	67,775	1	3	1	5
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	SU	85,5	2	2	1	5
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	T	53,25	0	2	2	4
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	TI	19,2	0	1	1	2
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	V	53,5	0	1	1	2
Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	CONG	533,225	5	11	1	17
THPT Đăk Song	Đăk Nông	AV	0	0	0	0	0
THPT Đăk Song	Đăk Nông	D	70,75	0	2	0	2
THPT Đăk Song	Đăk Nông	H	0	0	0	0	0
THPT Đăk Song	Đăk Nông	L	0	0	0	0	0
THPT Đăk Song	Đăk Nông	PH	0	0	0	0	0
THPT Đăk Song	Đăk Nông	SI	11,625	0	0	0	0
THPT Đăk Song	Đăk Nông	SU	82,5	0	2	2	4

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
THPT Đăk Song	Đăk Nông	T	0	0	0	0	0
THPT Đăk Song	Đăk Nông	TI	0	0	0	0	0
THPT Đăk Song	Đăk Nông	V	38	0	0	1	1
THPT Đăk Song	Đăk Nông	CONG	202,875	0	4	1	5
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	AV	0	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	D	9,75	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	H	0	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	L	0	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	PH	0	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	SI	0	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	SU	22	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	T	0	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	TI	0	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	V	0	0	0	0	0
THPT Phạm Văn Đồng	Đăk Nông	CONG	31,75	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	AV	253,5	0	2	2	4
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	D	73,25	1	0	3	4
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	H	37,375	0	2	0	2
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	L	37,75	0	0	2	2
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	SI	55,175	0	1	3	4
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	SU	59,25	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	T	62,25	2	2	0	4
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	TI	3,8	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	V	61,5	0	4	0	4
Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	CONG	643,85	3	11	0	14
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	AV	196	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	D	79,25	1	3	0	4
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	H	38,875	0	0	1	1
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	L	31	0	0	1	1
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	SI	67,125	1	3	1	5
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	SU	68,75	1	0	1	2
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	T	58	1	1	2	4
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	TI	31	0	1	3	4
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	V	55	0	2	0	2
Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	CONG	625	4	10	0	14
THPT Pleiku	Gia Lai	AV	57	0	0	0	0
THPT Pleiku	Gia Lai	D	44,25	0	0	1	1
THPT Pleiku	Gia Lai	H	8,375	0	0	0	0
THPT Pleiku	Gia Lai	L	1,75	0	0	0	0
THPT Pleiku	Gia Lai	PH	0	0	0	0	0
THPT Pleiku	Gia Lai	SI	20,15	0	0	0	0
THPT Pleiku	Gia Lai	SU	28,5	0	0	0	0
THPT Pleiku	Gia Lai	T	4	0	0	0	0
THPT Pleiku	Gia Lai	TI	0	0	0	0	0

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
THPT Pleiku	Gia Lai	V	46	0	0	1	1
THPT Pleiku	Gia Lai	CONG	210,025	0	0	1	1
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	AV	234,5	0	1	2	3
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	D	74,5	0	1	2	3
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	H	50,75	0	2	2	4
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	L	50,75	0	2	1	3
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	SI	71,875	2	2	2	6
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	SU	78,25	0	1	1	2
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	T	53	0	2	2	4
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	TI	16,8	0	2	0	2
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	V	57	1	0	2	3
Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	CONG	687,425	3	13	2	18
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	AV	142	0	0	0	0
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	D	47,25	0	0	0	0
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	H	5,5	0	0	0	0
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	L	26,25	0	0	1	1
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	SI	37,625	0	0	1	1
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	SU	38,5	0	0	0	0
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	T	27,75	0	0	1	1
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	TI	16,4	0	1	0	1
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	V	48	0	0	2	2
Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	CONG	389,275	0	1	2	3
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	AV	185	0	0	0	0
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	D	51,25	0	0	1	1
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	H	40,625	1	1	0	2
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	L	35,25	1	1	0	2
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	SI	44,5	0	2	1	3
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	SU	48,75	0	0	1	1
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	T	40,5	0	0	3	3
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	TI	22,4	0	2	0	2
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	V	40,25	0	0	1	1
Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	CONG	508,525	2	6	1	9
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	AV	331,5	1	4	0	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	D	77,25	1	1	1	3
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	H	55,875	0	2	3	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	L	45,75	0	1	3	4
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	SI	58,15	0	3	1	4
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	SU	80,75	1	0	4	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	T	51	0	2	1	3
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	TI	68,2	3	2	1	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	V	63	1	2	2	5
Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	CONG	831,475	7	17	2	26

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	AV	299,5	0	0	5	5
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	D	93,5	3	2	1	6
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	H	72,75	2	3	1	6
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	L	64,75	1	1	2	4
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	SI	48,075	1	1	1	3
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	SU	79,25	0	1	3	4
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	T	69,25	4	0	2	6
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	TI	27,6	0	3	0	3
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	V	45	0	1	2	3
Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	CONG	799,675	11	12	2	25
Chuyên Long An	Long An	AV	248	0	0	2	2
Chuyên Long An	Long An	D	65	0	0	2	2
Chuyên Long An	Long An	H	31,75	0	0	0	0
Chuyên Long An	Long An	L	34,75	0	0	1	1
Chuyên Long An	Long An	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Long An	Long An	SI	35,75	0	0	0	0
Chuyên Long An	Long An	SU	75	0	1	1	2
Chuyên Long An	Long An	T	24	0	0	0	0
Chuyên Long An	Long An	TI	6,1	0	0	1	1
Chuyên Long An	Long An	V	53	0	0	3	3
Chuyên Long An	Long An	CONG	573,35	0	1	3	4
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	AV	234,5	0	0	1	1
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	D	54,25	0	0	2	2
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	H	42,75	0	1	2	3
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	L	55,25	0	2	2	4
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	SI	57,65	0	1	3	4
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	SU	46,75	0	0	1	1
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	T	53,75	1	2	1	4
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	TI	20,4	0	1	1	2
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	V	53	2	0	1	3
Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	CONG	618,3	3	7	1	11
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	AV	330	0	4	1	5
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	D	71,5	1	2	0	3
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	H	62	1	3	2	6
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	L	60	1	1	0	2
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	PH	103,75	0	1	3	4
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	SI	61,625	1	1	2	4
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	SU	83,75	1	3	1	5
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	T	52,25	0	1	3	4
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	TI	74,3	3	0	1	4
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	V	51,5	1	0	1	2
Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	CONG	950,675	9	16	1	26
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	AV	95,5	0	0	0	0
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	D	27,25	0	0	0	0

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	H	4	0	0	0	0
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	L	1,5	0	0	0	0
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	PH	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	SI	35,5	0	2	0	2
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	SU	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	T	27	0	1	1	2
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	TI	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	V	54	0	2	1	3
THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	CONG	244,75	0	5	1	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	AV	204,5	0	0	0	0
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	D	83,25	0	4	2	6
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	H	36,625	0	1	1	2
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	L	48,25	0	1	1	2
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	SI	49,9	0	0	1	1
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	SU	67,25	2	1	0	3
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	T	52,75	0	2	1	3
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	TI	48	2	1	1	4
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	V	53,5	0	1	0	1
Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	CONG	644,025	4	11	0	15
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	AV	28,5	0	0	0	0
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	D	23,75	0	0	0	0
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	H	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	L	18,25	0	1	0	1
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	PH	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	SI	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	SU	14,25	0	0	0	0
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	T	16	0	0	0	0
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	TI	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	V	6	0	0	0	0
THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	CONG	106,75	0	1	0	1
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	AV	101	0	0	0	0
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	D	33,25	0	0	0	0
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	H	11,5	0	0	0	0
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	L	14,75	0	0	1	1
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	PH	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	SI	16,275	0	0	0	0
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	SU	39,5	0	0	1	1
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	T	6,5	0	0	0	0
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	TI	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	V	34	0	0	2	2
THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	CONG	256,775	0	0	2	2
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	AV	359	1	5	0	6
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	D	62,75	0	0	1	1
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	H	55,125	2	0	0	2
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	L	90,75	3	0	1	4

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	SI	43,4	0	0	1	1
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	SU	81,75	1	2	2	5
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	T	63	3	0	2	5
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	TI	63,3	2	2	2	6
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	V	54,5	0	2	1	3
Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	CONG	873,575	12	11	1	24
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	AV	289	0	2	2	4
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	D	85,25	1	2	3	6
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	H	33,125	0	0	0	0
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	L	92,25	2	4	0	6
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	PH	0	0	0	0	0
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	SI	77	4	0	1	5
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	SU	84,25	0	4	1	5
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	T	38	0	0	0	0
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	TI	32,5	0	1	3	4
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	V	56	0	2	2	4
THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	CONG	787,375	7	15	2	24
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	AV	141	0	0	1	1
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	D	65	1	0	1	2
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	H	71	3	2	0	5
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	L	60,5	0	3	1	4
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	SI	46,9	0	0	2	2
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	SU	69,25	0	2	1	3
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	T	48	1	1	2	4
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	TI	55,4	2	0	1	3
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	V	57,5	1	1	1	3
Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	CONG	614,55	8	9	1	18
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	AV	185	0	0	2	2
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	D	51,25	0	1	1	2
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	H	24,75	0	0	1	1
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	L	51,25	1	1	2	4
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	SI	47,45	0	2	1	3
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	SU	47	0	1	1	2
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	T	47	1	2	0	3
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	TI	27,7	1	0	1	2
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	V	22,5	0	0	1	1
Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	CONG	503,9	3	7	1	11
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	AV	315,5	0	3	1	4
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	D	82,5	1	2	3	6
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	H	42,075	0	0	2	2
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	L	55,25	0	1	3	4
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	SI	68	3	0	1	4

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	SU	48,25	0	0	0	0
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	T	45	0	2	0	2
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	TI	39,1	0	3	0	3
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	V	58,5	0	3	1	4
Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	CONG	754,175	4	14	1	19
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	AV	255	0	1	1	2
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	D	69	0	1	3	4
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	H	60,25	1	2	2	5
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	L	68	1	2	1	4
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	SI	42,5	0	0	3	3
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	SU	16,25	0	0	1	1
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	T	46,5	0	1	1	2
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	TI	13,3	0	0	4	4
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	V	54,25	1	1	0	2
Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	CONG	625,05	3	8	0	11
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	AV	487,5	6	0	0	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	D	95,5	5	1	0	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	H	89,25	5	1	0	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	L	128,25	6	0	0	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	PH	143,5	5	1	0	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	SI	90,125	6	0	0	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	SU	98,25	6	0	0	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	T	78,5	5	1	0	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	TI	81,1	2	4	0	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	V	71	4	1	1	6
THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	CONG	1362,975	50	9	1	60
THPT Trung Phú	TP.HCM	AV	139	0	0	1	1
THPT Trung Phú	TP.HCM	D	0	0	0	0	0
THPT Trung Phú	TP.HCM	H	21,875	0	0	0	0
THPT Trung Phú	TP.HCM	L	22	0	0	0	0
THPT Trung Phú	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
THPT Trung Phú	TP.HCM	SI	0	0	0	0	0
THPT Trung Phú	TP.HCM	SU	0	0	0	0	0
THPT Trung Phú	TP.HCM	T	33	0	1	2	3
THPT Trung Phú	TP.HCM	TI	0	0	0	0	0
THPT Trung Phú	TP.HCM	V	0	0	0	0	0
THPT Trung Phú	TP.HCM	CONG	215,875	0	1	0	1
THPT Củ Chi	TP.HCM	AV	170	0	0	0	0
THPT Củ Chi	TP.HCM	D	0	0	0	0	0
THPT Củ Chi	TP.HCM	H	32,875	0	0	1	1
THPT Củ Chi	TP.HCM	L	11,75	0	0	0	0
THPT Củ Chi	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
THPT Củ Chi	TP.HCM	SI	0	0	0	0	0
THPT Củ Chi	TP.HCM	SU	0	0	0	0	0
THPT Củ Chi	TP.HCM	T	33,75	0	1	0	1

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
THPT Củ Chi	TP.HCM	TI	0	0	0	0	0
THPT Củ Chi	TP.HCM	V	0	0	0	0	0
THPT Củ Chi	TP.HCM	CONG	248,375	0	1	0	1
THPT Gia Định	TP.HCM	AV	391,5	2	4	0	6
THPT Gia Định	TP.HCM	D	57,5	0	3	1	4
THPT Gia Định	TP.HCM	H	51,75	0	3	1	4
THPT Gia Định	TP.HCM	L	56,25	0	2	2	4
THPT Gia Định	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
THPT Gia Định	TP.HCM	SI	46,625	0	0	1	1
THPT Gia Định	TP.HCM	SU	90,5	3	3	0	6
THPT Gia Định	TP.HCM	T	37,5	0	0	0	0
THPT Gia Định	TP.HCM	TI	34,3	2	0	1	3
THPT Gia Định	TP.HCM	V	64	2	1	2	5
THPT Gia Định	TP.HCM	CONG	829,925	9	16	2	27
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	AV	469	6	0	0	6
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	D	49,75	0	0	1	1
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	H	61,75	1	3	2	6
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	L	39	0	0	2	2
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	SI	53,375	0	2	0	2
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	SU	84,25	3	0	1	4
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	T	66	4	1	0	5
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	TI	0	0	0	0	0
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	V	55,25	0	2	1	3
Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	CONG	878,375	14	8	1	23
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	AV	302	0	1	4	5
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	D	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	H	43,75	0	1	2	3
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	L	38,5	0	0	2	2
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	SI	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	SU	77	1	1	2	4
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	T	36,75	0	1	0	1
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	TI	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	V	57,75	1	2	1	4
THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	CONG	555,75	2	6	1	9
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	AV	344	1	3	1	5
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	D	78	2	1	1	4
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	H	56,625	1	1	2	4
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	L	63,75	0	2	3	5
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	SI	52,25	1	0	1	2
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	SU	80,5	1	1	2	4
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	T	52	1	2	0	3
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	TI	0,6	0	0	0	0
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	V	57,75	1	1	1	3

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	CONG	785,475	8	11	1	20
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	AV	257,5	0	0	1	1
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	D	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	H	21,875	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	L	28,5	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	SI	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	SU	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	T	42	0	0	2	2
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	TI	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	V	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	CONG	349,875	0	0	0	0
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	AV	357,5	1	3	2	6
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	D	76,75	1	1	2	4
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	H	41,375	1	1	1	3
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	L	46,5	0	1	2	3
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	SI	47,125	0	1	0	1
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	SU	82,5	2	1	1	4
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	T	45,75	0	0	1	1
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	TI	18,5	0	1	1	2
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	V	60,5	1	2	1	4
THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	CONG	776,5	6	11	1	18
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	AV	293,5	0	2	1	3
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	D	74	0	2	2	4
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	H	0	0	0	0	0
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	L	0	0	0	0	0
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	SI	0	0	0	0	0
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	SU	0	0	0	0	0
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	T	26,5	0	0	0	0
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	TI	0	0	0	0	0
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	V	55	0	1	3	4
Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	CONG	449	0	5	3	8
PT Năng Khiếu	TP.HCM	AV	434,5	6	0	0	6
PT Năng Khiếu	TP.HCM	D	0	0	0	0	0
PT Năng Khiếu	TP.HCM	H	49,25	1	0	2	3
PT Năng Khiếu	TP.HCM	L	99	3	3	0	6
PT Năng Khiếu	TP.HCM	PH	0	0	0	0	0
PT Năng Khiếu	TP.HCM	SI	56,75	0	1	2	3
PT Năng Khiếu	TP.HCM	SU	0	0	0	0	0
PT Năng Khiếu	TP.HCM	T	75	4	2	0	6
PT Năng Khiếu	TP.HCM	TI	81,3	4	1	0	5
PT Năng Khiếu	TP.HCM	V	52,25	1	2	0	3
PT Năng Khiếu	TP.HCM	CONG	848,05	19	9	0	28
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	AV	253	0	1	0	1

TÊN TRƯỜNG	TỈNH	MÔN	TỔNG ĐIỂM	HCV	HCB	HCD	TỔNG HC
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	D	72,5	0	1	2	3
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	H	44,25	0	0	3	3
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	L	53,75	1	0	2	3
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	SI	51,75	0	0	2	2
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	SU	81,5	1	2	1	4
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	T	34	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	TI	8,5	0	0	1	1
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	V	53,75	0	1	2	3
Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	CONG	653	2	5	2	9
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	AV	271,5	1	0	1	2
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	D	78,25	1	2	1	4
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	H	41,25	0	1	1	2
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	L	56	0	1	3	4
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	PH	0	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	SI	35,375	0	0	0	0
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	SU	77,75	1	0	3	4
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	T	42,75	0	1	2	3
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	TI	14	1	0	0	1
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	V	50	1	0	1	2
Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	CONG	666,875	5	5	1	11